

TP. HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2025
Ho Chi Minh City, August 26th, 2025

HỢP ĐỒNG THUÊ KHO NGOẠI QUAN BONDED WAREHOUSE LEASING CONTRACT

Số/No: ??/ BW-25

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự năm 2015;
Pursuant to the Civil Code 2015;
- Căn cứ Luật thương mại 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Pursuant to the Commercial Law 2005 and its implementing documents;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;
Based on the capabilities and needs of both parties;

Hôm nay, ngày 26 tháng 08 năm 2025, tại VP Công ty CP Khai thác và Phát triển Kho vận Tân Tạo, chúng tôi gồm có:

On this day of August 26th, 2025 at Tan Tao Forwarding & Warehousing Corporation (ITATRANS CORP.), we are:

BÊN A / PARTY A (Chủ Kho / Bonded Warehouse Owner):

**CÔNG TY CP KHAI THÁC VÀ PHÁT TRIỂN KHO VẬN TÂN TẠO
TAN TAO FORWARDING & WAREHOUSING CORP. (ITATRANS CORP.)**

Địa chỉ / Address: Lô 21, Đường số 1, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Tp.HCM, VN
Lot 21, Road 1, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Điện thoại / Tel: 84 - 28 37507074/5/7

Fax: 84 – 28 37507076

Đại diện bởi: Ông TRẦN HOÀNG ÂN

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Represented by: Mr. TRAN HOANG AN

Position: General Director

BÊN B / PARTY B (Chủ Hàng / Cargo owner): Fortune Swimwear LLC

Địa chỉ / Address: 2340 E Olympic Blvd, Los Angeles, CA 90021, USA. Code: ???

Đại diện bởi: ???

Chức vụ: ???

Represented by: ???

Position: ???

Hai bên đồng ý ký hợp đồng thuê kho ngoại quan với các điều kiện và điều khoản sau:

Two parties have entered into Bonded Warehouse Leasing Contract on the following terms and conditions:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

ARTICLE 1: DEFINITION

1.1. “Hàng Hóa” bao gồm tất cả các mặt hàng Bên B được phép kinh doanh.

“Goods” includes all goods and commodities that Party B is allowed to trade in and store in the warehouse.

1.2. “Phiếu Nhập Kho” là phiếu được Bên A in theo mẫu, ghi nhận số lượng, thời gian Bên B gửi hàng vào kho Bên A căn cứ theo Biên bản nhập kho.

“Goods Received Note” is a form printed by Party A according to the form, recording the quantity and time Party B sends goods into Party A's warehouse in accordance with the warehousing record for incoming cargoes.

- 1.3. **“Phiếu yêu cầu xuất kho (D/O)”** là văn bản của Bên B (email) gửi cho Bên A ghi rõ các nội dung yêu cầu ngày, số lượng được ký bởi người có thẩm quyền như trên Hợp đồng.
“Delivery Order/Request (D/O)” is the written form of Party B (email) which is sent to Party A specifying the contents of required date and quantity and signed by authorized person for outgoing cargoes as the Bonded Warehouse Leasing Contract.
- 1.4. **“Phiếu Xuất Kho”** là phiếu được Bên A in theo mẫu, ghi nhận số lượng, thời gian hàng được xuất khỏi kho Bên A như yêu cầu lệnh giao hàng (D/O).
“Goods Delivery Note” is a form printed by Party A according to the form, recording the quantity and time of goods being delivered from Party A's warehouse as requirement on D/O.
- 1.5. **“Ngày Làm Việc”** là các ngày theo lịch làm việc của Bên A theo Điều 2.3 của Hợp đồng.
“Days of Working” means the working days of Party A in accordance with Article 2.3 of the Contract.
- 1.6. **“Ngày”** là ngày tính theo dương lịch.
“Date” means the calendar date.
- 1.7. **“Người có thẩm quyền”** là người đại diện của các bên được ký tên trên Hợp đồng và/hoặc là người được công ty có văn bản ủy quyền.
“Authorized person” means the representatives of the Parties with the right to sign on the Contract and/or the person authorized by the company in writing.
- 1.8. **“Lưu Trữ”** là việc Bên A thực hiện việc lưu giữ hàng hóa của Bên B tại kho hàng của Bên A trong một khoảng thời gian theo yêu cầu của Bên B.
“Storage” means Party A do the storage of Party B's goods at Party A's warehouse for a period of time required by Party B.
- 1.9. **“Giấy báo nợ”** là phiếu thông báo số tiền Bên B cần thanh toán cho Bên A hàng tháng (bao gồm tiền thuê kho và các chi phí phát sinh) được phát hành vào cuối mỗi tháng.
“Debit Note” is a notice of the amount that Party B needs to pay to Party A monthly (including warehouse rent and other expenses), which is issued at the end of each month.
- 1.10. **“Xuất/nhập kho”** là cụm từ viết tắt của hoạt động nhập hàng hóa vào kho và xuất hàng hóa ra ngoài kho.
“Goods Issue/Receipt” is an abbreviation of the business operation in inputting the goods into the warehouse and outputting the goods from the warehouse.
- 1.11. **“Chứng từ”** là toàn bộ giấy tờ bao gồm nhưng không giới hạn bởi tờ khai xuất khẩu, bảng kê chi tiết hàng hóa, hóa đơn thương mại ...
“Documents” means all written papers including but not limited to customs declaration form, packing list, commercial invoices, etc...

ĐIỀU 2: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

ARTICLE 2: CONTENT

- 2.1. Bên A đồng ý cho thuê và Bên B đồng ý thuê kho của Bên A để thực hiện việc lưu trữ hàng hóa tại kho của Bên A.
Party A agrees to lease and Party B agrees to rent Party A's warehouse to store goods at Party A's warehouse.
- 2.2. Bên B ủy quyền cho Bên A và Bên A đồng ý thực hiện việc lưu giữ hàng hóa, ký tờ khai Hải quan, tiên hành làm tất cả các thủ tục Hải quan để vận chuyển hàng hóa từ Ngoại quan của Bên A đến sân bay và các cảng thành phố HCM, sao y bản chính các chứng từ....
Party B authorizes Party A and Party A agrees to store goods, to sign the Customs declaration, to carry out all Customs procedures in order to transfer goods from Party A's Bonded warehouse to air port and Ho Chi Minh City ports, to certify all documents as originals...

2.3. Bên A được ủy quyền trả các phí dịch vụ như: nâng, hạ, vệ sinh Cont..., và tất cả các chi phí tương tự cho hãng tàu cũng như cảng (nếu có), và giải quyết các phát sinh liên quan đến thủ tục Hải quan.

Party A is authorized to pay the service charges such as: lift on/ off, cleaning fee of containers, etc., and all similar expenses for shipping lines as well as ports (if any), and solve any arising charges related to Customs procedures.

2.4. Lô hàng hóa với chi tiết như sau:

The shipment with the following details:

2.4.1. Tên hàng: ???

Name of goods: ???

2.4.2. Số lượng: ???

Quantity: ???

2.4.3. Trị giá: ??? USD

Value: ??? USD

2.4.4. Xuất xứ: Việt Nam

Origin: Vietnam

2.4.5. Nơi nhận hàng: kho Ngoại quan Tân Tạo

Place of receiving: Tan Tao Bonded Warehouse

2.4.6. Nơi giao hàng: Các cảng trên Thế Giới

Place of delivery: Any ports in the world

2.4.6. Chất lượng: Hàng mới 100 %

Quality: Brand new 100%

ĐIỀU 3: PHÍ THUÊ KHO VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

ARTICLE 3: WAREHOUSE RENTAL FEE AND PAYMENT METHOD

3.1. Phí thuê kho và các phí dịch vụ đi kèm được ghi trong báo giá số **14052025/ BG-2025** ngày 14 tháng 05 năm 2025 giữa Công ty ITATRANS và Công ty CỔ PHẦN AMILO VIỆT NAM.

Warehouse rent fee and related service fee which is listed in the Quotation No.14052025/ BG-2025 dated on May 14th, 2025 between ITATRANS CORP. and AMILO VIETNAM CORP.

3.2. Điều khoản thanh toán:

Payment term

3.2.1. Thanh toán sẽ được thực hiện bằng tiền mặt hoặc theo phương thức T.T.R bằng USD. Trường hợp thanh toán bằng T/T hoặc swift transfer, Bên B sẽ chịu phí ngân hàng của cả hai bên.

Payment will be made in cash or by T.T.R in USD. In case of payment by T/T or swift transfer, Party B will bear bank charges of both sides.

3.2.2. Bên A sẽ phát hành và gửi cho Bên B hóa đơn (VAT) vào cuối mỗi tháng (áp dụng tỷ giá bán USD do ngân hàng ngoại thương công bố tại thời điểm xuất hóa đơn). Bên B sẽ thanh toán trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn VAT.

Party A will issue and send the invoice to Party B at the end of each month (apply the selling USD rate announced by the foreign trade bank at the time of invoice issuance). Party B will settle the payment within 14 days from the date of receiving the VAT invoice.

3.2.3. Theo ủy quyền của Bên B, Công ty CỔ PHẦN AMILO VIỆT NAM tại 46 Vũ Tông Phan, phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh, mã số thuế 0317350483 sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm thanh toán trả tất cả các phí lưu kho và phí dịch vụ liên quan cho Bên A và bao gồm cả việc vận hành, quản lý và giám sát hàng hóa nhập/ xuất tại kho Ngoại quan Tân Tạo.

On behalf of Part B, AMILO VIETNAM CORP. at 45 Vu Tong Phan, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City, VN with tax code as 0317350483 will be full responsible for paying all the storage charges and related services charges to party A including the operation, management, and supervision of cargoes imported/ exported at the Tan Tao Bonded warehouse.

- 3.2.3. Đối với lô hàng cuối cùng xuất ra khỏi kho, Bên B phải thanh toán toàn bộ Phí thuê kho và các chi phí dịch vụ phát sinh (nếu có) trước khi Bên A xuất hàng và giao hàng theo yêu cầu của Bên B.

For the last shipment out of the warehouse, Party B must pay the entire warehouse rental and arising service fees (if any) before Party A exports and delivers goods following to Party B's request.

Việc thanh toán trễ sau 14 ngày kể từ ngày Bên B nhận được giấy báo nợ của Bên A, Bên B sẽ bị phạt vi phạm về nghĩa vụ thanh toán theo điều 8 của hợp đồng và Bên A có quyền tạm dừng việc xuất/ nhập kho cho đến khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo quy định mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào.

Any late payments after 14 days since the date Party B receives the Debit Note from Party A, Party B will be penalized for violations of payment obligations under Article 3 of the Contract. Party A has the right to suspend the storing/delivering goods without any legal responsibility until Party B fulfills the payment obligations as prescribed.

ĐIỀU 4. QUY ĐỊNH BỐC XẾP HÀNG

ARTICLE 4: REGULATIONS FOR STORAGE, WITHDRAWAL & DELIVERY OF GOODS

- 4.1. Khi có nhu cầu xuất/nhập kho, Bên B sẽ gửi văn bản đề nghị xuất/ nhập kho đến Bên A trước ít nhất 24 giờ bằng một trong các hình thức email hoặc cung cấp bản chính Phiếu xuất/nhập kho. Bên A chỉ xuất/nhập kho khi có văn bản đề nghị xuất/nhập kho của Bên B được ký bởi người có thẩm quyền ký và đóng dấu.

In case of using the warehouse for storing/delivering goods, Party B will send a written request to Party A at least 24 hours in advance via email or sending the original of Goods Delivery/Received Note. Party A is only able to delivers/stores goods when receiving Party B's approval written request which signed and stamped by the authorized person.

- 4.2. Trường hợp có yêu cầu giao hàng, Bên B gửi Phiếu yêu cầu xuất kho, đồng thời ghi rõ yêu cầu giao hàng.

In case of request for delivery, Party B shall send a Delivery Request and/or Delivery Order which specify the delivery request to Party A.

- 4.3. Trong thời gian giao hàng, nếu Hải quan phát hiện có sự sai sót trên chứng từ hoặc hàng hóa về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng so với khai báo trên chứng từ khi làm thủ tục nhập kho hoặc hàng bị hư hại, Bên A sẽ thông báo Bên B kịp thời để có biện pháp giải quyết. Tất cả các phí phát sinh do Bên B chi trả và thời gian giải quyết, chỉnh sửa chứng từ không tính vào thời gian giao hàng.

During the time of delivery, if the Customs detects any discrepancies from the documents or goods in terms of quantity, quality, range of goods compared to the declaration document when carrying out the procedures for warehousing or damaged goods, Party A will notify Party B timely in order to find the solution. All expenses incurred shall bear by Party B. Time for settling and correcting documents does not count towards the delivery time.

- 4.4. Khi khai báo, nếu Hải quan yêu cầu bổ sung chứng từ ngoài bộ chứng từ xuất khẩu đã xuất trình, Bên B phải cung cấp nhanh chóng các chứng từ bổ sung cho Bên A để đáp ứng yêu cầu của Hải quan. Thời gian chờ đợi và chậm trễ sẽ không tính vào thời gian giao hàng

During the declaring, if the Customs requires additional documents outside the usual exporting documents, Party B must provide them to Party A quickly to meet the requirements of the Customs. The waiting and delay time will not be included in the delivery time.

4.5. Việc nhập kho, xuất kho hàng hóa phải được thực hiện bởi bên B và theo đúng quy định, thủ tục của hợp đồng này hoặc quy định, thủ tục do bên A cung cấp.

Stock in/stock out must be carried out under the supervisor by party B in accordance with provisions and procedures of this contract or provisions and procedures provided by Party A.

4.6. Thời gian làm việc xuất kho:

Working time for stock out

- Từ 8h00 đến 17h00 từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần / *8h00 to 17h00 from Monday to Friday*

- Thứ 7: từ 8h00 đến 12h00 / *Saturday: 8h00 to 12h00*

Việc xuất kho được thực hiện trong giờ làm việc (sáng 8h00 – 12h00; chiều 13h00 – 17h00). Trường hợp có nhu cầu xuất kho ngoài giờ làm việc thì yêu cầu xuất kho của Bên B phải được thông báo trước ít nhất là 01 (một) ngày làm việc. Việc thông báo có thể được thực hiện bằng điện thoại, fax, văn bản hoặc bằng hình thức khác. Chi phí làm ngoài giờ được quy định trong phụ lục đính kèm.

Stock output is done during working hour (8h00 -12h00 in the morning; 13h00 – 17h00 in the afternoon). In case of stock output after working hours, Party B's delivery request must be notified at least 01 (one) working day in advance. The notice can be made by phone, fax, written or other means. Overtime expenses are specified in the Appendix.

ĐIỀU 5: QUYỀN LỢI & TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A **ARTICLE 5: RIGHTS AND RESPONSIBILITIES OF PARTY A**

5.1. Quyền lợi của Bên A:

Rights of Party A:

5.1.1. Yêu cầu Bên B cung cấp chứng từ liên quan hàng gửi phát sinh theo hợp đồng này.
Require Party B to provide documents related to the goods under this Contract.

5.1.2. Được quyền chủ động sắp xếp hàng gửi phù hợp với yêu cầu quản lý kho của Bên A.
Having the right to proactive arrange goods in accordance with Party A's warehouse management requirements.

5.1.3. Từ chối xuất hàng và giao hàng khi Phiếu yêu cầu xuất kho không rõ ràng hoặc có dấu hiệu bị tẩy xóa, chỉnh sửa hoặc người yêu cầu xuất hàng không đúng thẩm quyền hoặc các trường hợp khác mà Bên A cho rằng không có căn cứ hoặc chứng từ không hợp lệ trong việc xuất hàng.
Refuse to release and deliver goods with unclear or being erased / modified the Delivery Order or the person requests for delivery is not authorized or other cases that Party A believes it's unfounded or invalid documents for delivery.

5.1.4. Không chịu trách nhiệm về sản phẩm hàng hóa bên trong bao bì của Bên B.
Not responsible for goods inside Party B's packaging.

5.1.5. Thu phí cho thuê kho hàng tháng và các phí dịch vụ khác liên quan từ Bên B.
Collect monthly warehouse rental and other related service fee from Party B.

5.1.6. Được miễn trừ trách nhiệm đối với mọi rủi ro thuộc trách nhiệm của đơn vị thực hiện bảo hiểm hàng hóa phù hợp với quy định của pháp luật bảo hiểm.
To be exempt from liability for all risks which are the responsibilities of insurance company in accordance with the provisions of insurance law.

5.2. Trách nhiệm của Bên A:

Responsibilities of Party A:

- 5.2.1. Cam kết và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp hoạt động của kho hàng cũng như hoạt động kinh doanh của công ty đủ điều kiện để thực hiện công việc theo hợp đồng này.
Commitment and responsibility for the legal performance of the warehouse as well as the business activities of the company eligible to perform work under this Contract.
- 5.2.2. Thực hiện các thủ tục Hải quan để đưa hàng hóa nhập vào kho Ngoại quan dựa trên bộ chứng từ vận tải như: tờ khai xuất khẩu, bảng kê chi tiết hàng hóa, hóa đơn thương mại và các chứng từ liên quan khác của Bên B.
Carry out Customs procedures to intake goods in Bonded warehouse based on transport documents such as the exported customs declaration form, packing list, commercial invoice and other related documents of Party B.
- 5.2.3. Lập hồ sơ theo dõi tình trạng và điều kiện cũng như số lượng hàng hóa sau khi đã được nhập vào kho Ngoại quan.
Document the status and condition as well as the quantity of goods after being received into the bonded warehouse.
- 5.2.4. Gửi báo cáo hàng hóa lưu kho và giấy báo nợ của mỗi tháng cho Bên B.
Send monthly inventory report and Debit Note to Party B.
- 5.2.5. Giao hàng theo yêu cầu của Bên B căn cứ theo lệnh giao hàng yêu cầu xuất kho (qua email) có chữ ký của người có thẩm quyền của Bên B được ghi rõ trong hợp đồng cũng như phụ lục.
Delivery according to Party B's request based on the Delivery Order (scan by email) signed by the authorized person of Party B who is specified in the Contract as well as the Appendix.

ĐIỀU 6: QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B **ARTICLE 6: RIGHTS AND RESPONSIBILITIES OF PARTY B**

6.1. Quyền lợi của Bên B:

Rights of Party B:

- 6.1.1. Được quyền gửi hàng vào kho Ngoại quan sau khi hợp đồng được thông qua bởi cơ quan Hải quan.
Have the right to send goods to a Bonded warehouse after the Contract is approved by the Customs Dept.
- 6.1.2. Được quyền kiểm tra hàng hóa định kỳ (hàng tháng) hoặc đột xuất kiểm tra. Các đợt kiểm tra định kỳ hay đột xuất không được vượt quá 02 lần trong vòng 30 ngày.
Have the right to inspect goods periodically (monthly) or unexpected audit. Periodic or irregular inspection must not exceed 02 times within 30 days.
- 6.1.4. Cung cấp các chứng từ gốc bản tiếng Anh. Trường hợp đối với các loại chứng từ yêu cầu bắt buộc phải dịch sang Tiếng Việt thì Bên B có nghĩa vụ thanh toán phần chi phí dịch thuật Công chứng đối với các loại chứng từ đó.
Provide original documents in English. In case of required documents that need to be translated into Vietnamese, Party B is obliged to pay for all notarized documents.

6.2. Trách nhiệm của Bên B:

Responsibilities of Party B:

- 6.2.1. Cung cấp cho Bên A bộ chứng từ gốc như: Tờ khai xuất khẩu, bảng kê chi tiết hàng hóa, hóa đơn thương mại và các chứng từ liên quan khác (tiếng Anh)... hai ngày trước khi hàng đến kho Ngoại quan Tân Tạo để bên A tiến hành thủ tục hải quan.
Provide the original set of documents such as the exported customs declaration form, packing list, commercial invoices and other relevant documents (English)...02 days

before the cargo arrives at Tan Tao Bonded warehouse to Party A to carry out custom procedures.

- 6.2.2. Chịu trách nhiệm tính chính xác của chứng từ khai báo hàng nhập. Trong trường hợp phát sinh sai sót/ lỗi/thiếu các loại chứng từ/ khiếu nại đối với các loại chứng từ do bên B cung cấp thì Bên B sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm pháp lý cũng như trả phí phát sinh do những lỗi này gây ra (nếu có).

Be responsible for the accuracy of imported document declaration. In case of arising errors/faults/missing documents/complaints about documents provided by Party B, Party B shall be full responsibility for the liability as well as pay for all incurred fee due to these errors (if any).

- 6.2.3. Chịu trách nhiệm tính hợp pháp của hàng hóa lưu giữ tại kho của Bên A quản lý. Không được đưa hàng hoá không thuộc danh mục sản xuất kinh doanh của Bên B, hay thuộc diện cấm kinh doanh theo quy định của Pháp luật vào lưu giữ tại kho của Bên A.

Be responsible for the legality of goods kept at Party A's warehouse. Not allow to intake goods, which are not in the Party B's license business list or prohibited as prescribed by Law, into Party A's warehouse.

- 6.2.4. Khi bên B có yêu cầu xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan, bên B sẽ gửi lệnh xuất hàng yêu cầu xuất kho cho bên A trước ít nhất 24 giờ cùng với các chứng từ như lệnh cấp Cont. rỗng, packing list, commercial invoice....

When Party B requests to deliver goods out of Bonded warehouse, Party B shall send Delivery Order at least 24 hours in advance to Party A together booking note, packing list, commercial invoice...

- 6.2.5. Trả tất cả các chi phí và phụ phí phát sinh cho Bên A như thể hiện trên điều khoản 2 của Hợp đồng này và giấy báo nợ của Bên A.

Pay all costs and surcharges incurred to Party A as shown in Article 2 of this Contract and Party A's Debit Note.

- 6.2.6. Mua bảo hiểm hàng hóa mọi rủi ro (khuyến nghị) nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên khi trường hợp bất khả kháng xảy ra.

Buy insurance of all risks (recommended) to ensure the rights of the parties when a force majeure events occur.

- 6.2.7. Chịu trách nhiệm bồi thường không hạn chế cho Bên A nếu nhân viên, khách hàng, người liên quan hoặc phương tiện vận tải và hoặc hàng hóa của Bên B gây ra bất kỳ thiệt hại nào cho hàng hoá, phương tiện vận tải, tài sản, con người của Bên A và hoặc khách hàng/đối tác của Bên A.

Be responsible for unrestricted compensate to Party A if Party B's employees, customers, related persons or means of transportation and/or goods cause any damage to goods, means of transportation, assets, Party A's employee and/or customers/partners.

- 6.2.8. Bên B cam kết hàng hóa bên B không bị bên thứ 3 tranh chấp.

Party B commits goods will not be disputed by third party.

- 6.2.9. Nghiêm chỉnh tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

Strictly comply with the provisions of Vietnamese Law.

ĐIỀU 7: YÊU CẦU ĐỐI VỚI HÀNG HÓA **ARTICLE 7: REQUIREMENT FOR GOODS**

- 7.1. Hàng hóa không thuộc các đối tượng bị cấm, bị hạn chế kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Goods that are not banned or restricted from trading in accordance with Law of Vietnam.

7.2. Hàng hóa phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ đi kèm khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo việc lưu trữ, bao gồm nhưng không giới hạn như giấy chứng nhận xuất xứ của Hàng hóa, chứng từ kiểm dịch (nếu áp dụng), giấy tờ liên quan đến chứng minh sở hữu của Hàng hóa.

Goods must have all invoices, documents and other accompanied documents as required by law to ensure the storage, including but not limited to the Certificate of Origin of goods, inspection documents (if applicable), and documents related to the ownership of the goods.

7.3. Hàng hóa phải được Bên B đóng gói để đảm bảo đặc tính hàng hóa. Bên B sẽ thông báo hoặc gửi hướng dẫn để Bên A lưu trữ đối với hàng hóa đặc thù.

Goods must be packed by Party B to ensure the characteristics of goods. Party B shall inform or send instructions to Party A in term of storing of specific goods.

ĐIỀU 8: PHẠT VI PHẠM VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

ARTICLE 8: PENALTY AND TERMINATION OF CONTRACT

8.1. PHẠT VI PHẠM / PENALTY

8.1.1 Trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 3 của hợp đồng thì kể từ ngày thứ 14 sau khi nhận giấy báo nợ, số tiền chậm thanh toán sẽ phải chịu lãi suất 0.05% mỗi ngày và Bên B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

If Party B violates the payment obligations according to Article 3 of the contract, from the date 14th after receiving the Debit Note, the late payment will be subjected to interest rate of 0.05% per day and Party B must perform the payment within 5 days since the date of receiving the penalty notice.

8.1.2 Quá thời hạn nêu trên mà bên B vẫn không thanh toán thì ngoài chịu phạt vi phạm Hợp đồng như nêu trên, bên A có quyền:

After that period, Party B still fails to perform they payment, apart from being sanctioned for violating the contract as mentioned above, Party A has the right:

- Tạm ngưng việc xuất/nhập kho cho đến khi Bên B hoàn tất việc thanh toán (bao gồm tiền thuê kho, các khoản phát sinh và khoản phạt) hoặc:

Temporarily suspend stock in/stock out until Party B completes the payment (including warehouse rental fee, arising charges and penalties) or:

- Đơn phương chấm dứt hợp đồng, bên vi phạm có trách nhiệm thanh toán các khoản tiền thuê kho, phạt vi phạm hợp đồng, tiền lãi chậm trả và đền bù mọi thiệt hại xảy ra do việc vi phạm gây ra cho bên bị vi phạm; đồng thời Bên B phải di chuyển toàn bộ hàng hóa của mình ra khỏi kho Bên A trong vòng 02 ngày, Quá thời hạn 02 ngày Bên B không chuyển hàng hóa của mình ra khỏi kho của Bên A thì bên A có quyền thanh lý toàn bộ hàng hóa của Bên B. Bên A sẽ dùng số tiền thanh lý để thanh toán phần công nợ của Bên B.

Unilaterally terminate the contract, the violating party is responsible for paying warehouse rental fee, contract violation penalties, late payment interests and compensation for all damage caused by the breached party; At the same time, Party B must move all goods out of Party A's warehouse within 02 days. After 02 days of failure to move all goods out from Party B, Party A has the right to liquidate all Party B's goods. Party A shall used the liquidation payment to balance for the debt of Party B.

8.1.3 Việc một bên bị phạt vi phạm không cản trở hai bên tiếp tục thực hiện hợp đồng, nếu vì bị phạt mà bên vi phạm không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình thì bên kia có quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Khi đó bên vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra cho bên kia theo quy định pháp luật cũng như các khoản phạt vi phạm nêu trên

A violating party does not prevent the two parties continuing to perform the Contract. For being fined, the violating party does not continue to perform their obligations, the other party has the right to terminate the contract ahead of time. The violating party will then have to compensate for all damage caused to other party accordance to the law as well as the above mentioned penalties.

8.2. Chấm dứt hợp đồng / Termination of Contract

Hợp đồng có thể bị chấm dứt theo một trong các trường hợp sau đây:

Contract might be terminated by one of the following cases:

- Theo sự thoả thuận của các bên; / According to the agreement of both Parties;*
- Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng được quy định của Hợp đồng này; / Force majeure occurs as provided in this Contract;*
- Một bên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng; / One Party seriously violates the contractual obligations;*

8.3. Một bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải bồi thường thiệt hại cho Bên còn lại khi bên kia vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng. Trong trường hợp này, bên đơn phương chấm dứt phải thông báo trước 07 (bảy) ngày kể từ ngày chấm dứt cho bên kia. Bên vi phạm ngoài chịu phạt 8% giá trị Hợp đồng thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra

One Party has the right to unilaterally terminate the contract without any compensation to other if other Party seriously violates the Contract obligations. In this case, the unilaterally terminating Party must notice 07 (seven) days in advance since the date of termination to other Party. The violating Party shall be fined 8% of the Contract value and compensate for all their damage caused.

ĐIỀU 9: MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI **ARTICLE 9: DISCLAIMER OF INDEMNITY DAMAGES**

Bên A không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên B trong các trường hợp sau:
Party A is not responsible to compensate to Party B in the following cases:

- 9.1. Hàng hóa đã được xuất kho đúng theo nội dung trên Phiếu xuất kho.
Goods have been released in according with the contents on the Goods delivery note.
- 9.2. Việc Bên B không cung cấp đầy đủ các chứng từ (tiếng Anh) cần thiết phục vụ cho việc lưu trữ; không cung cấp các chỉ dẫn cụ thể đối với hàng hóa; hàng hóa bị hư hỏng do quá trình đóng gói của Bên B là nguyên nhân dẫn tới các thiệt hại như hàng hóa để lâu bị hỏng, bị phạt vi phạm, bị tịch thu.
The fact that Party B does not provide all necessary documents (in English) for storage; does not provide specific instruction for the goods; damaged goods due to Party B's packaging process are the causes of damages such as damaged goods for long storage, violated, confiscated.
- 9.3. Hàng hóa bị hư hại do cách đóng gói Hàng hóa không thích hợp hoặc do đặc tính tự nhiên.
Damaged goods due to inappropriate packaging or natural characteristics.
- 9.4. Hàng hóa gửi bị cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền tịch thu.
Confiscated goods by Government agencies.
- 9.5. Các trường hợp bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn như chiến tranh, lũ lụt, động đất, bão tố hay các thảm họa tự nhiên khác.....(theo quy định của pháp luật) hoặc vượt quá khả năng kiểm soát hợp lý của Bên A hoặc không do lỗi của Bên A mặc dù Bên A đã áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép để ngăn ngừa và khắc phục thiệt hại.

Force majeure includes but not limited to wars, floods, earthquakes, hurricanes or other natural disasters... (as prescribed by law) or beyond Party A's control or not due to Party A's fault though Party A has applied all necessary measures within its permitted capacity to prevent and remedy these damages.

- 9.6. Các hư hỏng bên trong hàng hóa mà khi Bên A nhận hàng hóa và khi xuất hàng vẫn nguyên đai, nguyên kiện, không có dấu hiệu các thùng/hộp đựng bị tác động.
The damage inside goods when Party A received the goods and stock out which still remains the whole package, there is no sign of affected boxes/containers.
- 9.7. Khi hàng bị mất phẩm chất do lưu kho quá lâu thì chủ hàng phải chịu trách nhiệm.
Goods are losing their quality due to long storage, the owner must be responsible.
- 9.8. Bên B vi phạm Hợp đồng dẫn đến việc Bên A chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
Party B violates the contract which leads to Party A to terminate the contract ahead of time.

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHỐNG HỐI LỘ **ARTICLE 10: ANTI - BRIBERY PROVISION**

- 10.1. Bên A và Bên B coi trọng uy tín của mình thông qua việc giữ gìn đạo đức kinh doanh, trung thực và minh bạch về tài chính. Hai bên nhận thức được rằng việc hối lộ là không được phép dưới bất kỳ hoàn cảnh nào, việc dùng hối lộ hoặc dung túng các hành vi hối lộ sẽ làm ảnh hưởng tới uy tín của cả hai bên.
Party A and Party B respect their reputation through maintaining business ethics, integrity and financial transparency. The two parties are aware that bribery is not allowed under any circumstances, the use of bribes or tolerating bribery practices will affect the reputation of both parties.
- 10.2. Nghiêm cấm một trong hai bên thực hiện một trong các hành vi sau:
One of the two parties is prohibited to commit any of the following acts:
- 10.2.1. Hối lộ, hứa hẹn hoặc cam kết cho quà và hậu mãi cho nhân viên của các bên để nhằm che giấu hành vi sai phạm hoặc thực hiện hành vi nhằm mục đích tư lợi cá nhân liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.
Bribing, promising or pledging gifts and commissions to employees of the parties in order to conceal violations or conduct acts for personal gain related to contract performance.
- 10.2.2. Chào mời hối lộ, hứa hẹn hoặc cam kết cho quà và hậu mãi cho nhân viên của các bên thông qua các đối tác, cơ quan trung gian, liên doanh hoặc bên thứ ba.
Offering bribes, promises or commitments for gifts and commissions to employees of the parties through partners, intermediaries, joint ventures or third parties.
- 10.2.3. Không thông báo kịp thời cho bên kia mọi biểu hiện có liên quan đến hối lộ của bên đó trong quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng này.
Failure to promptly notify the other party of any manifestations of such bribery in the course of negotiating, signing and executing this contract.
- 10.3. Các bên phải chịu mọi tổn thất liên quan đến hợp đồng, đồng thời có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và bị phạt vi phạm hợp đồng theo quy định của hợp đồng này nếu vi phạm các điều khoản về chống hối lộ.
The parties must bear all losses related to the contract, and are obliged to compensate for all damages and be penalized for Contract breach in accordance with this contract if they violate the terms of anti-bribery provision.

ĐIỀU 11: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG **ARTICLE 11: VALIDITY OF CONTRACT**

Hợp đồng này có hiệu lực trong khoảng thời gian 365 ngày kể từ ngày nhập hàng vào kho ngoại quan. Hợp đồng này có thể gia hạn thêm 12 tháng.

This contract is valid for a period of 365 days from the date of receiving goods into Bonded warehouse. This Contract can be extended for another 12 months.

ĐIỀU 12. CAM KẾT CHUNG

ARTICLE 12. GENERAL COMMITMENTS

12.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, trở ngại hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc và sửa đổi cho phù hợp trên tinh thần các bên cùng có lợi, hợp tác tôn trọng lẫn nhau và dựa trên cơ sở pháp luật.

Both parties undertake to comply with the terms of the Contract. Any disputes or discrepancies, which may arise out of or in connection with this Contract, shall first be discussed and adjusted accordingly on mutual benefits, respectful cooperation and the basis of law between the two parties.

12.2. Mọi thay đổi trong hợp đồng phải được hai bên bàn bạc, thống nhất và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng do cả hai bên cùng ký.

Any adjustment from the Contract must be discussed and agreed upon by both parties and indicated by an Annex signed by both parties.

12.3. Nếu một trong các bên đơn phương hủy bỏ hoặc vi phạm hợp đồng thì phải bồi thường vô điều kiện mọi tổn thất cho bên còn lại.

If one of the parties unilaterally rescinds or breaches the contract, it must unconditionally compensate all losses to the other party.

12.4. Trường hợp các vướng mắc không thể giải quyết bằng thương lượng, hai bên đồng ý đưa ra Trung tâm Trọng tài có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Pháp luật Việt Nam. Phán quyết của Trọng tài là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực hiện.

In case the problems cannot be solved by negotiation, the two parties agree to submit to the Arbitration Center with jurisdiction to settle according to the provisions of Vietnamese law. The decision of the Arbitrator is the final decision forcing the parties to comply.

12.5. Hợp đồng này được ký qua fax hoặc e-mail và được lập thành năm (05) bản song ngữ có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ hai (02) bản và Hải quan giữ một (01) bản để theo dõi và thực hiện. Trong trường hợp xảy ra xung đột giữa hai thứ tiếng, ngôn ngữ Tiếng Việt sẽ được ưu tiên giải quyết.

This Contract is signed via fax or email and is made into five (05) copies with bilingual versions of equal legal validity. Each party keeps two (02) copies and the Customs keeps one (01) copy for monitoring and implementation. In the event of a conflict between the two languages, the Vietnamese language will be given priority./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
REPRESENTATIVE OF PARTY A

ĐẠI DIỆN BÊN B
REPRESENTATIVE OF PARTY B